

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYỄN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 01 - 2021

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Châu;

2. Bà Cao Việt Thương;

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Oanh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phi Thăng - kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T T; Sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Xóm 8, xã HL, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh N V H; Sinh năm: 1968;

Địa chỉ: P N Th, phường 5, TP VT , tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án *nguyên đơn chị N T T trình bày:*

Chị N T T và anh N V H kết hôn với nhau ngày 11 tháng 07 năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Lúc xảy ra mâu thuẫn anh chị có trao đổi bàn bạc và nhẫn nhịn nhưng vẫn không được cải thiện và tình trạng ngày càng trầm trọng hơn. Chị T và anh H đã ly thân nhau từ năm 1997 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N T T viết đơn xin ly hôn với anh N V H để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Chị N T T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2020 bị đơn anh N V H xác nhận và trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N T T trình bày. Nay chị N T T yêu cầu ly hôn, anh H hoàn toàn đồng ý. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và các khoản nợ: Anh N V H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do các bên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị N T T được ly hôn anh N V H. Buộc Nguyên đơn pH chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp “Ly hôn”. Nguyên đơn chị N T T có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm 8, xã HL, huyện HN, tỉnh Nghệ An. Bị đơn là anh N V H có hộ khẩu thường trú và

hiện cư trú tại: P N Th, phường 5, TP VT , tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhưng anh H và chị T đã có văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của Nguyên đơn giải quyết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản cho bị đơn là anh N V H nhưng anh H không có yêu cầu phản tố và có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên Hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N T T và anh N V H có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 07 năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Qua lời khai của chị T và anh H và qua kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn của chị N T T và anh N V H đã đến mức trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N T T được ly hôn anh N V H như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay.

[3]. *Về con chung*: Qua lời khai của chị N T T và anh N V H, qua kết quả xác minh tại địa phương cho thấy chị T và anh H không có con chung nên tòa án không xem xét.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Chị N T T và anh N V H không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyên đơn chị N T T pH chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N T T được ly hôn anh N V H.

Về án phí: Buộc chị N T T pH chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0002220 ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- UBND xã Hưng Lĩnh;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú

